

# KHÁI NIỆM, MỐI QUAN HỆ VỀ CHỦNG TỘC VÀ TỘC NGƯỜI<sup>1</sup>

VƯƠNG XUÂN TÌNH

(Viện Dân tộc học)

**Tóm tắt.** Khoảng một thế kỷ qua, trong khoa học và xã hội đã chuyển từ quan niệm chủng tộc (Race) theo góc nhìn sinh học sang cách nhìn của nhân học, đó là chủng tộc xã hội (Social race), bởi khác biệt về gen của các nhóm người chỉ 6 % và sự hỗn huyết ngày càng gia tăng trong xã hội hiện đại. Mặt khác, quan niệm về “chủng tộc” như vẫn thấy chỉ là thói quen dán nhãn, không dựa trên cứ liệu khoa học hay quản lý. Tiếng nói chung của cộng đồng thế giới là hướng đến quan điểm loài người chỉ có một chủng tộc, một dòng máu và phải chống lại mọi hình thức phân biệt chủng tộc. Với tộc người (Ethnicity/ethnic group) về cơ bản được cho là cộng đồng văn hóa. Tuy nhiên, do bối cảnh lịch sử, xã hội nên việc xác định thành phần tộc người và chủng tộc ở một số nước khó phân biệt, và chủ yếu dựa vào tự xác định của người dân. Tại Việt Nam, không có vấn đề tiêu cực về chủng tộc, không thừa nhận chủng tộc là yếu tố trong xác định thành phần dân tộc. Thời gian gần đây, do những biến đổi của xã hội, việc xác định lại thành phần một số tộc người và nhóm địa phương cũng đặt ra, song để đảm bảo đoàn kết dân tộc nên các tổ chức có trách nhiệm vẫn thận trọng khi tiến hành.

**Từ khóa:** *Chủng tộc, gen, chủng tộc xã hội, một chủng tộc, tộc người, văn hóa, xác định thành phần tộc người/chủng tộc, Việt Nam.*

Theo quan điểm khoa học và thực tiễn xã hội, chủng tộc (Race) và tộc người<sup>2</sup> (Ethnicity/ Ethnic group) là hai vấn đề có sự khác biệt về khái niệm, song cũng có điểm tương đồng, quan hệ mật thiết đến việc nhìn nhận, phân loại, xác định của xã hội hoặc nhà nước về các cộng đồng người. Bởi vậy, không chỉ trong cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc, mà ngay cả trong ứng xử của đời sống, trong quản lý xã hội và thực hiện

---

<sup>1</sup> Báo cáo trình bày tại *Hội thảo Tập huấn kỹ năng xây dựng và đối thoại báo cáo Công ước Quốc tế về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (CERD) theo quy định của Liên Hợp quốc*, do Ủy ban Dân tộc tổ chức tại tỉnh Hòa Bình, ngày 3 và 4/1/2018.

<sup>2</sup> Trong tiếng Việt, “tộc người” (Ethnicity/Ethnic group) còn được gọi là “dân tộc”. Tuy nhiên, từ “dân tộc” không chỉ hàm nghĩa tộc người mà còn có nghĩa “quốc gia” (Nation). Bởi vậy trong báo cáo này, chúng tôi chủ yếu sử dụng khái niệm “tộc người” và chỉ ở mục 4 “Về chủng tộc và tộc người ở Việt Nam”, có chỗ chúng tôi mới dùng thuật ngữ “dân tộc” thay cho “tộc người” để phù hợp với ngữ cảnh của Việt Nam.

các chương trình, dự án phát triển, việc làm rõ khái niệm và mối quan hệ đó là rất cần thiết.

Trình bày, phân tích khái niệm, mối quan hệ về chủng tộc và tộc người trong báo cáo này chủ yếu dựa trên cách tiếp cận của nhân học và tiếp cận liên ngành - với sự chú trọng liên ngành cùng sinh học, xã hội học và văn hóa học.

## **1. Chủng tộc**

Đến nay, có hai cách nhìn chủ yếu về chủng tộc, đó là cách nhìn của sinh học (Biology) - thuộc khoa học tự nhiên, và của nhân học (Anthropology) - thuộc khoa học xã hội.

### ***1.1. Chủng tộc từ góc nhìn sinh học***

Vào khoảng đầu thế kỷ XX, nhiều người còn cho rằng chủng tộc mang bản chất luận sinh học, là hạt nhân ứng xử và bản sắc của con người (Cravens, 2010, pp. 299-320). Khi tiếp cận nghiên cứu đa dạng sinh học của loài người, các nhà khoa học thường có hai hướng chính. *Một là, tiếp cận phân loại chủng tộc* (Racial classification). Hướng tiếp cận này đã bị phê phán nặng nề. *Hai là, tiếp cận giải thích* (Explanatory approach). Thay vì phân loại chủng tộc, các nhà khoa học hướng đến giải thích sự khác biệt của con người về sinh học và cách này ngày càng thuyết phục (Kottak, 2000, p. 137).

Theo một quan điểm sinh học, nhân loại hiện nay có nguồn gốc từ một loài duy nhất - loài *Homo sapiens* L (Nguyễn Đình Khoa, 1976). Phân cấp trực tiếp dưới loài là các chủng tộc. Theo đó, chủng tộc là những nhóm người có đặc trưng hình thái giống nhau được di truyền. Vẫn dưới tiếp cận sinh học, có thể nhìn nhận chủng tộc từ hai khía cạnh, đó là *nhhiễm sắc thể* (Rieger, Michaelis and Green, 1968) và *sinh học thể chất* [Morris (Ed), 1992]. Ngoài ra, có ý kiến cho rằng, trong quá trình hình thành các chủng tộc, khu vực địa lý cũng có vai trò quan trọng. Nói cách khác, chủng tộc xuất hiện không chỉ do di truyền mà còn do kết quả của sự sống cách biệt bởi khu vực địa lý, điều kiện tự nhiên của nhóm người này với nhóm người khác [Dân tộc học đại cương, 1995, tr. 41-42; Walker (Ed), 2004].

Để phân loại chủng tộc, có quan điểm xác định loài người thuộc ba đại chủng tộc, đó là Đại chủng Xích đạo hay Úc - Phi (Negro-Australoid), Đại chủng Âu (Oproloid) hay Âu - Á (Oradien), và Đại chủng Á (Mogoloid) (Dân tộc học đại cương, 1995, tr. 48-56). Lại có quan điểm cho rằng, loài người thuộc bốn chủng tộc: Trắng, hay là người Caucas (Caucasian); Đen, hay là người châu Phi (African); Vàng, hay là người châu Á (Asian); và Đỏ, hay là thổ dân Mỹ (Native American) ("Race", in *Stanford Encyclopedia of Phylosophy*, 2016).

Để xác định sự khác biệt về chủng tộc, các nhà khoa học thường căn cứ vào các yếu tố: (1) Sự cấu tạo của sắc tố (màu của da, mắt và tóc); (2) Dạng tóc (tóc thẳng hay xoăn); (3) Mức độ của lớp lông thứ ba (râu và lông) trên cơ thể (nhiều, ít); (4) Trắc diện mặt (rộng, hẹp, trung bình); (5) Hình dạng mắt (nếp mí mắt); (6) Hình dạng mũi (góc mũi cao hay thấp, sống mũi thẳng hay gãy); (7) Hình dạng môi (mỏng, vừa, dày và rất dày); (8) Hình dạng đầu (dài, trung bình, ngắn, quá ngắn); (9) Tầm vóc (cao, thấp); (10) Tỷ lệ thân hình (tỷ lệ dài của mình, đầu, cổ với chiều dài của chân); (11) Răng (hình thể); (12) Vân tay (hình xoáy, móc, cung) (Dân tộc học đại cương, 1995, tr. 45-48). Sự khác biệt của ba hay bốn đại chủng chủ yếu được so sánh qua 12 yếu tố nêu trên.

Cách phân loại chủng tộc ngày càng bị các nhà khoa học và xã hội phản đối. Theo nhiều ý kiến, cơ sở khác biệt giữa các chủng tộc là gen, không phải căn cứ vào hình thể. Song, nếu căn cứ vào gen, nhân loại giống nhau đến 94 % và chỉ có 6 % khác biệt. Nhiều người cho rằng, sự phân loại chủng tộc có gốc nguồn của chủ nghĩa thực dân châu Âu, coi các tộc người ở châu Âu là văn minh, còn người dân nơi khác lạc hậu. Việc phân loại này đã cổ súy cho chủ nghĩa Phát xít và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Trong Chiến tranh thế giới thứ II, có 11 triệu người Do thái, châu Phi, Ấn Độ và đồng giới bị Phát xít Đức giết hại do nạn phân biệt chủng tộc, coi họ thuộc loại hạ đẳng. Đến nay ở một số nước, quan điểm về chủng tộc dưới góc độ sinh học bị đá phá mạnh mẽ và chỉ còn xem như huyền thoại (AAA Statement of Race, 2016). Tiếng nói chung của cộng đồng thế giới là hướng đến quan điểm loài người chỉ có một chủng tộc, một dòng máu (Ham, Ken & A. Charles Ware, 2007) và phải chống lại mọi hình thức phân biệt chủng tộc<sup>3</sup>.

## **1.2. Chủng tộc xã hội**

Chủng tộc xã hội (Social race) là khái niệm được sử dụng phổ biến ở một số nước, nhất là Mỹ. Theo đó, cái gọi là “chủng tộc” với các sắc trắng, đen, vàng, nâu mà chúng ta nghe nói hằng ngày không phải sinh học, không phải dựa trên phân loại của khoa học hay các cấp quản lý mà là sự lựa chọn văn hóa, được cấu trúc bởi xã hội hay mang tính xã hội. Nói cách khác, đó chỉ là sự dán nhãn (Label) của xã hội.

Khái niệm “chủng tộc” theo nghĩa sinh học chỉ còn là huyền thoại còn bởi dòng giống loài người đã hỗn huyết, đặc biệt ở xã hội hiện đại. Với một đứa trẻ sinh ra từ bố da đen và mẹ da trắng sẽ mang 50 % gen bố và 50 % gen mẹ, nhưng trong văn hóa Mỹ vẫn coi đứa trẻ đó là người da đen. Quan niệm này tùy tiện, bởi nếu theo cách phân loại gen, đứa trẻ có thể là người da trắng. Tóm lại, do quan điểm hạ cấp “chủng tộc”

---

<sup>3</sup> United Nations, *International Convention on the Elimination of All Forms of Racial Discrimination*, <http://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/CERD.aspx>, truy cập ngày 20/12/2017.

(Hypodescent) vẫn thường áp dụng với đứa trẻ sinh ra, “chủng tộc” của nó luôn thuộc về “chủng tộc” của bố hay mẹ bị coi là thiểu số. Trong xã hội Mỹ, có hàng triệu người phải đối diện với tình trạng như vậy và cho thấy chính quyền cần có trách nhiệm về pháp luật, thực thi để xóa bỏ tình trạng đó (Kottak, 2000, p. 139).

## 2. Tộc người

Thuật ngữ tộc người (Ethnicity/Ethnic group), theo Wan và Vanderwerf (2009) qua tổng quan tài liệu, chỉ mới phổ biến sau thập kỷ 70 của thế kỷ XX, còn trước đó, giới học thuật chủ yếu dùng khái niệm bộ tộc (Tribe) hay chủng tộc (Race). Tuy nhiên, chủng tộc có liên quan đến tộc người, và phần lớn ở Bắc Mỹ, khi nói đến tộc người hàm chỉ nhóm thiểu số như người Việt Nam, người châu Phi. Nhiều học giả Anh lại quan niệm, tộc người thuộc về dân tộc thiểu số (Ethnic minority). Với truyền thống ở châu Âu, tộc người thuộc về một nhóm nào đó, bởi vậy, các học giả thường hay sử dụng khái niệm “nhóm tộc người” (Ethnic group).

Đến nay, việc xem xét về tộc người thường xuất phát từ ba lý thuyết (Wan và Vanderwerf, 2009). (1) *Khởi nguyên luận* (Primordialist theories) cho rằng, tộc người của mỗi người được ấn định từ khi sinh ra; và việc xác định tộc người dựa trên cơ sở mối liên hệ gốc với nhóm hoặc văn hóa. (2) *Công dụng luận* (Instrumental theories) xác định, tộc người được dựa trên cơ sở ký ức và biểu tượng; đôi khi bị người khác thúc đẩy, sử dụng và khai thác nhằm mưu cầu lợi ích của họ. (3) *Cấu trúc luận* (Constructivist theories) giải thích, tộc người đôi khi không phải “quá trình” mà là con người được “cấu trúc” trong bối cảnh lịch sử, xã hội đặc biệt để hướng tới mối quan tâm của riêng họ nên hay thay đổi và mang tính chủ quan.

Có thể nói, mỗi lý thuyết đều có mặt mạnh, mặt yếu và nếu tuyệt đối hóa lý thuyết nào sẽ dẫn đến những bất cập. Bởi vậy, Yang (2000, pp. 48-56) đã đề xuất cách *tiếp cận kết hợp* (Integrated approach) để lựa chọn những điểm hợp lý của từng lý thuyết, với bốn điểm quan tâm như sau: (1) Tính tộc người được cho có liên hệ với tổ tiên. Sự lựa chọn tộc người phải theo tổ tiên mình, chẳng hạn người Nhật không thể chọn người Pháp là ông tổ. (2) Tộc người được cấu trúc bởi xã hội. Việc xác định tộc người và các chính sách có liên quan ở nhiều nước là ví dụ. (3) Lợi ích của thành viên tộc người gắn với xác định tộc người, bởi vậy, ảnh hưởng của lợi ích đến việc xác định ấy là điều có thể. (4) Ranh giới tộc người là có thực, song thay đổi qua thời gian.

Vậy tộc người là gì ? Sự đa dạng về cách tiếp cận và lý thuyết cũng dẫn đến những định nghĩa khác nhau.

Có thể dẫn một quan điểm được nhiều người coi như kinh điển của Weber (1968, p. 389): Tộc người là tập đoàn người “nuôi dưỡng niềm tin chủ quan về nòi giống chung

bởi tương đồng về hình thể hay tập quán, hoặc cả hai; hoặc do ký ức về chủ nghĩa thực dân hay di cư”. Quan điểm này của Weber còn được những người đi sau kế tục và phát triển. Chẳng hạn, Horowitz (1985) cũng cho rằng, điểm cốt lõi của tộc người là có nguồn gốc chung, mang đặc điểm chung về màu da, diện mạo, tôn giáo và/hoặc ngôn ngữ. Trong số các định nghĩa dựa trên nền tảng của Weber, đáng lưu ý là quan điểm của Smith (1991, p. 21). Theo tác giả, tộc người là một cộng đồng gồm 6 thuộc tính: (1) Có tên được xác định; (2) Có huyền thoại về tổ tiên; (3) Có sự chia sẻ về ký ức lịch sử; (4) Có một hoặc nhiều yếu tố khác biệt với văn hóa chung; (5) Có sự đồng cảm về “quê hương”; (6) Có ý thức đoàn kết trong cộng đồng.

Ở Liên Xô (cũ), các học giả thừa nhận tộc người là một cộng đồng có bản sắc riêng, cùng chia sẻ những đặc điểm cơ bản như tên gọi riêng, ngôn ngữ, lãnh thổ, những đặc điểm đặc biệt về tinh thần, văn hóa và nếp sống hàng ngày cũng như một số hình thái đặc biệt về tổ chức lãnh thổ - xã hội hay một định hướng để tạo nên đặc trưng nào đó (dẫn theo Nguyễn Văn Chính, 2016, tr. 131-146). Có thể tham khảo một định nghĩa của Bromley: “Tộc người là một tập đoàn người ổn định được hình thành trong lịch sử trên một lãnh thổ nhất định, có những đặc điểm văn hóa chung tương đối ổn định (gồm cả ngôn ngữ) và tâm lý, đồng thời có ý thức về sự thống nhất của mình và sự khác biệt với cộng đồng tương tự khác (ý thức tự giác) được biểu hiện ở tên tự gọi” (dẫn theo Bé Viết Đăng, 2006, tr. 73).

Như vậy, điểm tương đồng của các nhà dân tộc học Xô-viết với các học giả Bắc Mỹ và Tây Âu về khái niệm tộc người là đều chú trọng yếu tố bản sắc văn hóa, song có điểm khác biệt khi cho rằng lãnh thổ có vai trò nhất định tạo nên tộc người, và không ghi nhận khía cạnh nhân chủng trong định nghĩa về tộc người như một số học giả thuộc Tây Âu và Bắc Mỹ.

Khi nói đến khái niệm tộc người trên thế giới, cần làm rõ thêm các khái niệm khác liên quan, đó là nhóm thiểu số (Minorities) và người bản địa (Indigenous people).

Theo Petricušić (2005), mặc dù nhóm thiểu số được thảo luận rất nhiều, và Liên hợp quốc đã có tuyên ngôn về quyền của người thuộc nhóm này vào năm 1992, song vẫn chưa có khái niệm thống nhất. Còn Papoutsis (2014, pp. 305-345) lại cho rằng từ năm 1950, Tiểu ban Chống phân biệt và bảo vệ nhóm thiểu số của Liên hợp quốc tuy chưa có định nghĩa, nhưng đã xác định nhóm đó như sau: (1) Nhóm không có ưu thế, với nhu cầu được bảo vệ sự bền vững về truyền thống của tộc người, tôn giáo hoặc ngôn ngữ hay những đặc điểm khác biệt so với cư dân khác; (2) Nhóm cá nhân có khả năng tự bảo vệ truyền thống hay đặc điểm của mình; (3) Nhóm thiểu số phải trung thành với quốc gia mà họ sinh sống. Liên hợp quốc cho biết, trên thế giới có từ 10-20% cư dân thiểu số, với

khoảng từ 600 triệu đến 1,2 tỉ người. Đây là nhóm cần được quan tâm nên vào năm 1992, tổ chức này đã ra *Tuyên ngôn về quyền của những người thuộc các tộc người, tôn giáo và ngôn ngữ thiểu số* (United Nations, 1992).

Trong phạm vi của nhóm thiểu số, còn có người bản địa (Indigenous people). Theo Liên hợp quốc, người bản địa là những người: (1) Có nền văn hoá riêng; (2) Có đặc điểm khác biệt về kinh tế và xã hội; (3) Có đất đai và nguồn tài nguyên truyền thống, và (4) Ít thuận lợi trong phát triển và dễ bị tổn thương. Như vậy, khái niệm nhóm thiểu số rộng hơn người bản địa. Bởi thế, Liên hợp quốc xác định trên thế giới chỉ có khoảng 370 triệu người bản địa, và người bản địa được coi thuộc nhóm thiểu số. Năm 2007, Liên hợp quốc đã ra *Tuyên ngôn về quyền người bản địa*. Bản Tuyên ngôn gồm 46 điều và trong các điều, ngoài thể hiện những quyền chung như quyền được sống, quyền tự do, bình đẳng, đã đề cập tới nhiều quyền cụ thể khác. Các quyền này bao gồm 5 nhóm cơ bản: (1) Quyền được tự quyết về thể chế chính trị; (2) Quyền về lãnh thổ và đất đai; (3) Quyền lựa chọn sự phát triển; (4) Quyền tham gia vào quá trình phát triển; và (5) Quyền thực hành và bảo vệ nền văn hoá truyền thống. Khi thông qua bản Tuyên ngôn này, có 143 phiếu thuận, 4 phiếu chống (Australia, Canada, Niu Dilân, Mỹ) và 11 phiếu trắng.

### **3. Môi quan hệ và việc xác định thành phần chủng tộc và tộc người trên thế giới**

Như đã trình bày, nếu theo khái niệm chủng tộc sinh học, chủng tộc liên quan chủ yếu đến sự khác biệt về hình thể của con người; còn tộc người chủ yếu liên quan đến sự khác biệt văn hóa. Tuy nhiên, khi nhìn nhận dưới góc độ chủng tộc xã hội, chủng tộc và tộc người lại có những điểm tương đồng. Ở một số nước, trong phạm vi nào đó, chủng tộc cũng được coi như tộc người. Chẳng hạn, theo quan điểm của nhà nhân học Mỹ, “Khi một tộc người được thừa nhận có cơ sở sinh học (chung ‘dòng máu’ hay gen) thì gọi là chủng tộc” (Kottak, 2000, p. 138). Còn dưới góc độ chủng tộc xã hội, như đã đề cập, có nhiều điểm tương đồng với tộc người. Mặt khác, theo quan điểm của các nhà nhân học ở Bắc Mỹ và các nước Tây Âu, tộc người là nhóm có chung đặc điểm về nguồn gốc (dấu là tương tượng) và về sinh học (hình thể) - tức có mang yếu tố của chủng tộc.

Do chủng tộc và tộc người có vị trí nhất định trong đời sống xã hội nên rất nhiều nước trên thế giới thực hiện xác định thành phần liên quan. Báo cáo phân tích thuộc Liên hiệp quốc (United Nations Statistics Division) vào năm 2003 cho biết: trong bảng hỏi điều tra dân số của 147 nước, có 95 nước (65 %) thực hiện điều tra liên quan đến tộc người và chủng tộc. Tùy theo chính sách dân tộc, mỗi nước có cách thức xác định thành phần tộc người khác nhau. Chẳng hạn, việc xác định tộc người/chủng tộc tại Mỹ chưa được thể chế hóa ở cấp cơ quan lập pháp, bởi ngoài giải quyết vấn đề tộc người bản địa

(thổ dân da đỏ hay cư dân vùng Alasca), chỉ được sử dụng để giải quyết một số lĩnh vực dân sự và quyền công dân như chứng minh thư, điều tra tội phạm, giáo dục, bảo vệ văn hóa bản địa<sup>4</sup>. Phần lớn các nước khác khi xác định thành phần tộc người cũng có mục đích tương tự (Fussell, 2001). Trong khi đó, việc xác định thành phần tộc người ở Liên Xô (cũ), Trung Quốc, Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào - những nước theo chế độ xã hội chủ nghĩa, lại nhằm phục vụ chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở các tộc người và quản lý mối quan hệ dân tộc.

Về cách thức xác định thành phần tộc người và chủng tộc, tùy theo mục đích của các quốc gia, có thể chia thành ba loại hay mức độ: (1) Dựa trên kết quả điều tra của nhà nước kết hợp với tự xác định của cộng đồng và cá nhân; (2) Dựa trên tự xác định của cá nhân, với sự hướng dẫn của nhà nước; (3) Dựa trên tự xác định của cá nhân và cộng đồng, với sự trợ giúp của nhà nước. Cụ thể như sau:

*- Dựa trên kết quả điều tra của nhà nước kết hợp với tự xác định của cộng đồng và cá nhân*

Cách thức này thấy ở Liên Xô (cũ), Trung Quốc, Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Tại Liên Xô (cũ), trên cơ sở xây dựng bốn tiêu chí về tộc người: (1) Cùng cư trú trên một phạm vi lãnh thổ nhất định; (2) Cùng nói một ngôn ngữ nhất định; (3) Có chung các đặc điểm văn hóa; và (4) Có cùng ý thức tộc người hay tự giác tộc người, các nhà khoa học tiến hành nghiên cứu, trong đó có tham vấn ý kiến của cộng đồng và người dân để xây dựng danh mục về các tộc người. Vào năm 1917, Chính phủ Liên Xô đã lập “Ủy ban nghiên cứu các thành phần bộ lạc nước Nga và các nước tiếp giáp” thuộc Viện Hàn lâm khoa học. Ủy ban đã thống kê dân số năm 1926 và đến năm 1927 công bố thành phần dân tộc toàn Liên Xô gồm 169 tộc người (Bé Việt Đăng, 2006: 122). Theo số liệu của cuộc điều tra dân số năm 1989: trước khi sụp đổ, Liên Xô (cũ) có 113 tộc người từ 1.000 người trở lên, trong đó, 21 tộc người có từ 1 triệu người trở lên<sup>5</sup>.

Ở Trung Quốc, để xây dựng tiêu chí xác định thành phần tộc người, giới khoa học và những người có trách nhiệm chú trọng đến vấn đề nguồn gốc (Khổng Diễn, 2002, tr. 51-59). Theo nghiên cứu của Wang (2015) và một số tác giả khác (Mullaney, 2011, pp. 1-17; Yun Zhou<sup>6</sup>), “Dự án xác định thành phần tộc người” ở Trung Quốc được tiến hành

---

<sup>4</sup> The United States Census Bureau (<https://www.census.gov/topics/population/race/about.html>; Eugene Volokh, *Racial and Ethnic Classifications in American Law*, Hoover Press, Thernstrom DP5 HPTHER1700 08-01-01 rev1, [http://www.hoover.org/sites/default/files/uploads/documents/0817998721\\_309.pdf](http://www.hoover.org/sites/default/files/uploads/documents/0817998721_309.pdf)).

<sup>5</sup> “Soviet Union: Ethnic Groups” ([http://www.voyagesphotosmanu.com/ethnic\\_groups\\_soviet\\_union.html](http://www.voyagesphotosmanu.com/ethnic_groups_soviet_union.html)).

<sup>6</sup> Yun Zhou, “Question of Ethnic Group Formulation in the Chinese Census”, Department of Sociology Peking University, Beijing, China (<https://iussp.org/sites/default/files/event>).

từ những năm 50, đến những năm 80 mới hoàn thành. Trong giai đoạn 1, với cuộc điều tra dân số năm 1953, có 400 nhóm tộc người được tự xác định. Song, theo quy chế bầu cử của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc (Quốc hội), có 150 ghế được dành cho đại diện các dân tộc thiểu số, bởi vậy, phải xác định lại số tộc người để phù hợp với bối cảnh (Mullaney, 2011, pp. 39-41). Khi triển khai, cuộc xác định thành phần tộc người được chia làm 5 bước: (1) Cộng đồng tự xác định; (2) Chính quyền tỉnh hoặc trung ương cử cán bộ nghiên cứu (thường là nhà dân tộc học) tới xác định; (3) Cán bộ thực hiện điều tra để biết cộng đồng/cá nhân tự xác định là người Hán hay dân tộc thiểu số; (4) Cán bộ điều tra nhận xét và đề xuất ý kiến; (5) Cộng đồng hay cá nhân được nghiên cứu quyết định thuộc về tộc người Hán hay tộc người thiểu số nào. Do tiêu chí không thống nhất nên đến tổng điều tra dân số năm 1964, số dân tộc thiểu số được xác định vẫn tới 183 tộc người.

Giai đoạn 2, đến những năm 80 mới tiếp tục triển khai do ảnh hưởng của Đại cách mạng văn hóa. Trong giai đoạn này, các tiêu chí xác định thành phần tộc người được thống nhất, trong đó chú trọng tiêu chí ngôn ngữ, lãnh thổ và nguồn gốc lịch sử. Đến những năm 90, số lượng các tộc người ở Trung Quốc mới chính thức được xác định là 56, trong đó tộc người Hán là đa số, còn 55 tộc người thiểu số (Wang, 2015; Mullaney, 2011, pp. 1-17; Yun Zhou<sup>7</sup>).

Tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, việc xác định thành phần tộc người chịu ảnh hưởng ở các nước Liên Xô (cũ), Trung Quốc và Việt Nam. Các nhà khoa học và những người có trách nhiệm đã xây dựng ba tiêu chí để xác định: (1) Thống nhất về ngôn ngữ; (2) Thống nhất về đời sống vật chất và tinh thần; (3) Nguồn gốc và di cư của tộc người. Trước khi thực hiện nghiên cứu có quy mô lớn để xác định thành phần tộc người vào năm 1999, trong cuộc điều tra dân số các năm 1983-1985, do chỉ căn cứ vào tự xác định, nước Lào có tới 850 tộc người. Đến cuộc điều tra dân số năm 1995, số tộc người giảm xuống 47. Vào năm 1999, Ban Dân tộc của Mặt trận Lào xây dựng đất nước đã thực hiện cuộc điều tra lớn về xác định thành phần tộc người, tiến hành trong 4 tháng. Các nhóm chuyên gia được cử về các tỉnh một tháng. Trong đợt điều tra này, đã xác định thêm 2 tộc người, nâng tổng số ở Lào có 49 tộc người (Pholsena, 2002, pp. 175-197).

*- Dựa trên tự xác định của cá nhân, với sự hướng dẫn của nhà nước*

Cách xác định này khá đơn giản và nhiều khi khó phân biệt giữa chủng tộc với tộc người - ngay như ở một số nước thuộc Bắc Mỹ và Liên minh châu Âu (Farkas, 2017, p. 9). Chẳng hạn tại Anh, đến cuộc điều tra dân số năm 1991, lần đầu tiên nội dung điều tra về tộc người mới được thực hiện, trong đó, có 90 % tự xác định là người Anh da trắng,

---

<sup>7</sup> Yun Zhou, "Question of Ethnic Group Formulation in the Chinese Census", Department of Sociology Peking University, Beijing, China (<https://iussp.org/sites/default/files/event>).



chỉ 10 % là các tộc người thiểu số. Đến năm 2011, tỉ lệ tộc người thiểu số tăng lên 14 % dân số và có hơn 1 triệu người của nước Anh tự khai là lai chủng (Mixed race)<sup>8</sup>. Ở Mỹ, khung điều tra có liên quan đến 7 nhóm chủng tộc/tộc người gồm: (1) Cư dân bản địa Mỹ (người da đỏ, người vùng Alasca); (2) Người châu Á; (3) Người da đen, người Mỹ gốc Phi; (4) Người Hawaii bản địa, thổ dân vùng đảo Thái Bình Dương; (5) Người da trắng; (6) Người Tây Ban Nha, gốc La tinh; (7) Người không phải gốc Tây Ban Nha hay La tinh<sup>9</sup>. Đến cuộc điều tra dân số năm 2000, lần đầu tiên công dân Mỹ được tự xác định thuộc nhiều hơn một chủng tộc/tộc người (Mixed race).

Theo báo cáo của nhóm phân tích thuộc Liên hợp quốc (United Nations Statistics Division) năm 2003: khảo sát 147 nước điều tra dân số vào năm 2000, có 54 % số nước có câu hỏi về tộc người, 12 % số nước có câu hỏi về chủng tộc, còn lại là các câu hỏi liên quan đến nguồn gốc tộc người, quốc tịch, bộ tộc, đẳng cấp... Tuy nhiên, có những nước như Mozambique, Nam Phi hay Zimbabwe, tuy đặt câu hỏi về tộc người nhưng lại chấp nhận câu trả lời về chủng tộc. Báo cáo còn cho biết, có 11 nước (gồm Canada và Mỹ) đặt câu hỏi điều tra về chủng tộc. Trong số 11 nước đã nêu, có 4 nước coi khái niệm chủng tộc và nguồn gốc tộc người (Ethnic origin) là một. Còn trong báo cáo năm 2017 về tìm hiểu vấn đề tộc người và chủng tộc tại Liên minh châu Âu, Farkas (2017, p. 11) cho biết, có ba tổ chức (RED, ICERD và ESS) từng xem xét về nguồn gốc chủng tộc; tương tự, có năm tổ chức (RED, ICERD, ESS, EB và EU-MIDIS) xem xét về nguồn gốc tộc người. Ngoài ra, nhiều nước của Liên minh châu Âu còn có chính sách hoặc tổ chức nghiên cứu liên quan.

*- Dựa trên tự xác định của cá nhân và cộng đồng, với sự trợ giúp của nhà nước*

Loại hình này có thể lấy ví dụ qua trường hợp xác định thổ dân da đỏ và người bản địa vùng Alaska ở Mỹ.

Trong cơ cấu tổ chức của Chính phủ Mỹ, có Vụ Thổ dân (Bureau of Indian Affairs), thuộc Cục Nội địa (U.S. Department of the Interior). Nhiệm vụ của Vụ Thổ dân là nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy cơ hội về kinh tế, có trách nhiệm bảo vệ và phát triển tài sản được ủy thác của người dân, các bộ lạc da đỏ và cư dân bản địa Alasca. Đến nay, Vụ Thổ dân đã thực hiện những nhiệm vụ (trực tiếp hay thông qua hợp đồng, tài trợ) liên quan đến gần 1,9 triệu người da đỏ và người bản địa vùng Alasca; công nhận 567 bộ lạc của các cư dân đã nêu. Vụ cũng chịu trách nhiệm về hành chính và quản lý 55

---

<sup>8</sup> Xem *How has Ethnic Diversity Grown 1991-2001-2011?* Prepared by ESRC Centre on Dynamics of Ethnicity (CoDE), December 2012, [www.ethnicity.ac.uk](http://www.ethnicity.ac.uk), truy cập ngày 22/5/2017.

<sup>9</sup> Trong nội dung điều tra, được phân thành 2 hạng mục là nhân chủng (Race) - nhóm 1-5; và tộc người (Ethnicity) - nhóm 6-7. Xem *Race and Ethnicity Classifications*, <http://www.iowadatacenter.org/aboutdata/raceclassification>, truy cập ngày 20/5/2017.

triệu mẫu Anh (Acres) diện tích bề mặt, 57 triệu mẫu dưới lòng đất thuộc các mỏ khoáng sản của cư dân da đỏ và người bản địa vùng Alasca do Chính phủ ủy thác (Held in trust)<sup>10</sup>. Bên cạnh Vụ Thổ dân, còn có Vụ Giáo dục thổ dân cũng thuộc Bộ Nội địa. Một trong những chính sách quan trọng đối với thổ dân là Chính phủ liên bang thỏa thuận chi trả lợi ích quá khứ cho những bộ lạc do việc chiếm đóng đất đai và khai thác tài nguyên của họ. Các thành viên bộ lạc được hưởng lợi từ bán hoặc cho thế chấp tài nguyên, nguồn lực như gỗ, dầu, khí ga, thủy điện; hoặc từ lợi ích kinh doanh hay dịch vụ của bộ lạc. Bộ lạc chia lợi ích này cho thành viên theo tháng, quý hay năm, nếu các thành viên tán thành.

Tình trạng nêu trên khiến nhiều người có nguyện vọng được công nhận là thổ dân khi họ nghĩ có mối liên hệ nguồn gốc. Tuy nhiên, để xác định thành phần thổ dân - gắn với lợi ích của các cá nhân, Vụ Thổ dân không trực tiếp thực hiện mà chỉ hướng dẫn, cung cấp dịch vụ. Trên cơ sở nguyện vọng của cá nhân, việc quyết định cuối cùng thuộc bộ lạc da đỏ hay cộng đồng làng của cư dân Alasca bản địa. Khi một cá nhân trở thành thành viên của cộng đồng nêu trên, ngoài trách nhiệm, sẽ được hưởng lợi ích về tài sản của cộng đồng và các lợi ích khác do Chính phủ quy định<sup>11</sup>.

#### **4. Về chủng tộc và tộc người ở Việt Nam**

Theo các nhà nghiên cứu về nhân chủng và dân tộc học, các tộc người ở Việt Nam và khu vực Đông Dương thuộc hai tiểu chủng là Nam Á và Indoné dien của đại chủng Mongoloid. Những tộc người sinh sống lâu đời tại vùng Trường Sơn - Tây Nguyên như Bru-Vân Kiều, Tà-ôi, Xơ-đăng, Mnông, Ê-đê, Gia-rai là di duệ của tiểu chủng Indoné dien, với các đặc điểm hình thể như da sẫm, tóc xoăn, tầm vóc thấp; các tộc người như Kinh (Việt), Mường, Tày, Thái là di duệ của tiểu chủng Nam Á, có màu da sáng hơn, tóc thẳng, tầm vóc cao hơn... (Dân tộc học đại cương, 1995, tr. 56-58). Tuy nhiên, do đặc điểm cư trú và lịch sử, ở Việt Nam ít có các vấn đề tiêu cực liên quan đến chủng tộc.

Về tộc người, trong khái niệm và xác định thành phần dân tộc, các nhà dân tộc học Việt Nam chỉ tập trung vào yếu tố văn hóa, không đề cập yếu tố chủng tộc. Với khái niệm tộc người, các nhà khoa học thống nhất cho rằng, “cộng đồng tộc người là một tập đoàn người tương đối ổn định, được hình thành trong quá trình lịch sử dựa trên những mối liên hệ chung về địa vực cư trú, sinh hoạt kinh tế, tiếng nói, những đặc điểm sinh hoạt - văn hóa, và dựa trên ý thức, thành phần và tên gọi dân tộc chung” (Bé Viết Đăng, 1973, tr. 10-18).

<sup>10</sup> Đây là cách quản lý tài nguyên trong điều kiện “Held in Trust”, tức chỉ được ủy thác, không phải sở hữu.

<sup>11</sup> Xem U.S. Department of the Interior, *A Guide to Tracing American Indian & Alaska Native Ancestry*, Office of Public Affairs-Indian Affairs, 1849 C Street, N.W., MS-3658-MIB, Washington, D.C. 20240, 202-208-3710, [www.indianaffairs.gov](http://www.indianaffairs.gov), truy cập ngày 23/5/2017.

Để xác định thành phần tộc người (thường được gọi là “xác định thành phần dân tộc”), một trong những vấn đề then chốt là phải xây dựng tiêu chí. Vào đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Viện Dân tộc học thuộc Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam đã phối hợp với các ngành liên quan để xây dựng ba tiêu chí trong xác định thành phần dân tộc. Theo đó, một cộng đồng được coi là một tộc người cần phải: (1) Có chung tiếng nói (ngôn ngữ); (2) Có chung đặc điểm văn hóa; và (3) Có chung ý thức tự giác, tự nhận cùng một dân tộc.

Thực hiện điều tra, xác định thành phần tộc người, cán bộ của Viện Dân tộc học cùng sự tham gia của các nhà ngôn ngữ học đã đi thực địa để gặp gỡ, trao đổi với người dân; nhiều cuộc hội thảo được tổ chức ở địa phương để lấy ý kiến của cán bộ và nhân dân. Trên cơ sở kết quả của cuộc điều tra, xác định này, năm 1979, Tổng cục Thống kê đã ra Quyết định Số 126-TCTK/ PPCĐ ban hành bản *Danh mục các thành phần dân tộc ở Việt Nam* với 54 dân tộc, gồm một dân tộc - dân tộc Kinh (Việt) là tộc người đa số, còn lại là dân tộc thiểu số. Trong 54 dân tộc, có dân tộc còn được xác định với hàng chục nhóm địa phương; và nếu tính chung, có tới trên 300 nhóm địa phương thuộc các tộc người ở nước ta (“Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam”, 1979, tr. 58-63).

Vào khoảng cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, ở một số tộc người đã xuất hiện nhóm địa phương muốn tách thành tộc người riêng. Đó còn chưa kể một vài tộc người muốn thay tên gọi. Trước tình hình ấy, từ năm 2001 - 2008, Viện Dân tộc học tiếp tục thực hiện Dự án nghiên cứu nhằm xác định lại một số dân tộc ở Việt Nam, do PGS.TS. Không Diễm làm Chủ nhiệm. Để triển khai, Dự án thảo luận về tiêu chí và vẫn quyết định sử dụng bộ tiêu chí cũ vì các tiêu chí này còn nguyên giá trị (Viện Dân tộc học - Viện Ngôn ngữ học, 2002). Dự án đã tiến hành điều tra, xác định 42 nhóm địa phương thuộc 19 dân tộc, kể cả dân tộc thiểu số và dân tộc Kinh (Việt) trên địa bàn của 23 tỉnh trong cả nước; đồng thời tổ chức nhiều cuộc hội thảo, tọa đàm ở Hà Nội và một số địa phương lấy ý kiến đóng góp. Năm 2008, Dự án được nghiệm thu, song lãnh đạo Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trương chưa công bố kết quả nghiên cứu này. Tuy nhiên, đến ngày 4/2/2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2356/QĐ-Ttg “Ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020”; và trong Chương trình này đã giao cho Ủy ban Dân tộc phối hợp với các bộ, ngành, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam thực hiện “Xác định thành phần, tên gọi một số dân tộc và xây dựng Bảng danh mục thành phần các dân tộc thiểu số Việt Nam”<sup>12</sup>.

---

<sup>12</sup> Xem Quyết định số 2356/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ “Ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020” (<http://www2.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/noi dung chuong trinh quoc giakhac?docid=2415&substract=&strutsAction=ViewDetailAction.do>).

Để triển khai nhiệm vụ, trước hết Ủy ban Dân tộc kế thừa thành tựu nghiên cứu của Viện Dân tộc học và tiếp tục tìm hiểu nhu cầu, nguyện vọng về xác định lại thành phần dân tộc<sup>13</sup>. Theo đó, ba tiêu chí về xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam trong lần xác định thứ nhất (những năm 60-70) và thứ hai (2001-2008) vẫn được giữ nguyên. Đến nay, Ủy ban Dân tộc đã thực hiện một số hội thảo và khảo sát, nghiên cứu, song Bảng danh mục thành phần các dân tộc thiểu số Việt Nam vẫn chưa được công bố<sup>14</sup>. Tuy nhiên, quan điểm của cố Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội (nay là Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam) về vấn đề xác định thành phần dân tộc từ lần thứ nhất, đến nay vẫn còn giá trị: vấn đề không phải chỉ đưa ra một danh mục với ai đúng ai sai, mà việc điều tra, xác định cần góp phần tăng cường đoàn kết dân tộc (Nguyễn Khánh Toàn, 1973, tr. 33-39).

Ở Việt Nam, ngoài khái niệm “dân tộc/tộc người”, “dân tộc thiểu số”, còn có khái niệm “dân tộc thiểu số rất ít người”. Theo Mục 5, Điều 4 của Nghị định về công tác dân tộc, số 05/2011/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ, dân tộc thiểu số rất ít người là những dân tộc có số dân dưới 10.000 người. Thực ra, khái niệm này đã được xác định trong Dự án hỗ trợ phát triển 5 dân tộc thiểu số rất ít người - dưới 1.000 người, giai đoạn từ năm 2006-2010 do Chính phủ phê duyệt. Tiếp theo, trong giai đoạn từ năm 2010-2015, với tiêu chí dân số dưới 5.000 người, nước ta có 9 dân tộc thiểu số rất ít người. Còn trong giai đoạn từ năm 2016-2025, với tiêu chí dân số dưới 10.000 người, có 16 dân tộc thiểu số rất ít người, gồm: Ô-đu, Pu Péo, Si La, Rơ-măm, Brâu, Cống, Bô Y, Mảng, Cơ Lao, La Hủ, La Ha, Pà Thên, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô. Sau đó, Ủy ban Dân tộc đã đề nghị không đưa dân tộc Ngái vào “Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025” do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt<sup>15</sup>, vì tộc người này đã có điều kiện phát triển tốt và lại cư trú phân tán; đồng thời đề nghị bổ sung dân tộc Phù Lá (có 10.944 người) vào danh sách này<sup>16</sup>. Còn khái niệm “dân tộc bản địa” hay “người bản địa” chỉ được sử dụng ở một số công trình khoa học hoặc truyền thông. Trong văn bản pháp

---

<sup>13</sup> Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Ủy ban Dân tộc đã gửi công văn về Ủy ban nhân dân các tỉnh yêu cầu cung cấp thông tin về nhu cầu cần xác định lại thành phần, tên gọi của các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Sau khi có công văn trả lời của các tỉnh, Ủy ban Dân tộc đã tổng hợp và chia thành các khu vực có nhu cầu xác định lại thành phần, tên gọi của các dân tộc, nhóm dân tộc như sau: Khu vực Tây Bắc gồm có 5 dân tộc và nhóm thuộc dân tộc cần xác định lại; Khu vực Đông Bắc gồm có 5 dân tộc và nhóm dân tộc cần xác định lại; Khu vực miền Trung gồm 5 dân tộc và nhóm thuộc các dân tộc; Khu vực Tây Nguyên gồm 5 dân tộc và nhóm thuộc các dân tộc; Khu vực Đông Nam Bộ gồm 1 nhóm thuộc dân tộc; 11 dân tộc có yêu cầu cần xác định lại tên gọi cho chính xác (Lò Giàng Páo, 2014, tr. 57-64).

<sup>14</sup> Theo Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ quyết định (số 2356/QĐ-TTg), nhiệm vụ “Xác định thành phần, tên gọi một số dân tộc và xây dựng Bảng danh mục thành phần các dân tộc thiểu số Việt Nam” được triển khai từ năm 2014-2016.

<sup>15</sup> Xem Quyết định số 2086/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 31/10/2016 về “Phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025”.

<sup>16</sup> Xem Công văn số 1208/UBND-TT của Ủy ban Dân tộc gửi Bộ Thông tin và Truyền thông về “Danh mục các dân tộc rất ít người ở Việt Nam”, ngày 30/10/2015.

quy của Nhà nước, khái niệm đó không được chấp nhận bởi ở Việt Nam chỉ có “dân tộc thiểu số”, không có “dân tộc bản địa”.

### **Kết luận**

Chủng tộc và tộc người là hai vấn đề phức tạp, có sự khác biệt và thay đổi về khái niệm qua thời gian, giữa các quốc gia và vùng địa lý; đồng thời hai vấn đề này cũng có mối quan hệ nhất định và đôi khi khó tách biệt.

Trải qua hàng thế kỷ, khái niệm về chủng tộc đã dịch chuyển từ quan điểm sinh học sang quan điểm chủng tộc xã hội (Social race) bởi nhận thức và tình trạng hỗn huyết. Từ phân loại chủng tộc, các nhà khoa học đã chuyển sang giải thích khác biệt của các nhóm người. Với sự ra đời của quan điểm chủng tộc xã hội, cái gọi là “chủng tộc” chỉ thuộc quan niệm hoặc dán nhãn, không dựa trên bất kỳ sự phân loại khoa học hay quản lý nào. Hơn nữa, qua chứng minh 94 % nhân loại giống nhau về gen hoặc khi xem xét những cá nhân hay cộng đồng đa nguồn gốc, khái niệm chủng tộc theo cách nhìn sinh học truyền thống càng ít sức thuyết phục. Bởi vậy, quan điểm về chủng tộc xã hội không chỉ đáp ứng yêu cầu khoa học mà còn phục vụ cho cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc.

Tộc người, theo cách nhìn nhận của nhiều nhà khoa học ở Bắc Mỹ, Tây Âu và một số nơi khác, chủ yếu là cộng đồng văn hóa, tuy nhiên, có mối quan hệ chung về nguồn gốc, thậm chí có quan hệ về chủng tộc theo cách nhìn truyền thống. Song ở Liên Xô (cũ), Trung Quốc, Lào, Việt Nam và có thể một số nước khác lại ghi nhận, tộc người chỉ là cộng đồng văn hóa. Do sự khác biệt quan niệm như vậy, tại một số nước thuộc Bắc Mỹ, Tây Âu và châu Phi, rất khó phân biệt giữa chủng tộc và tộc người. Để xác định thành phần tộc người hay chủng tộc, phần lớn các nước trên thế giới để người dân tự khai trên cơ sở hướng dẫn của nhà nước. Chỉ ở Liên Xô (cũ), Trung Quốc, Việt Nam và Lào, nhà nước mới có vai trò quyết định trong xác định thành phần dân tộc.

Tại Việt Nam, do đặc điểm lịch sử và cư trú, không có những tiêu cực về vấn đề chủng tộc. Với tộc người, các khái niệm “dân tộc đa số”, “dân tộc thiểu số”, “dân tộc thiểu số rất ít người” trở thành phổ biến trong các văn kiện của Nhà nước, trong công trình khoa học và truyền thông. Tuy nhiên, do đặc thù về lịch sử, mặc dù đồng ý với *Tuyên ngôn về quyền người bản địa* năm 2007, song Nhà nước không thừa nhận ở Việt Nam có dân tộc bản địa. Nhà nước đã thực hiện cuộc xác định thành phần dân tộc từ 39 năm trước, với 54 tộc người, trong đó có một dân tộc đa số - dân tộc Kinh (Việt), còn lại là các tộc người thiểu số. Hiện nay, ở Việt Nam cũng đang đặt ra việc xác định lại một số dân tộc hay nhóm địa phương, song để đảm bảo đoàn kết dân tộc nên các tổ chức có trách nhiệm vẫn còn thận trọng khi tiến hành.

## Tài liệu tham khảo

### Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Chính (2016), “Lý thuyết tộc người và những thách thức mới trong nghiên cứu tộc người ở Việt Nam”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 1&2, tr. 131-146.
2. “Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam” (1979), Tạp chí *Dân tộc học*, số 1, tr. 58-63.
3. *Dân tộc học đại cương* (1995), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. Khổng Diễm (2002), “Về việc xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 4, tr. 51-59.
5. Bế Viết Đăng (1973), “Mấy ý kiến về ‘công tác xác minh thành phần các dân tộc’ ở miền Bắc nước ta hiện nay”, Thông báo *Dân tộc học*, số 3, tr. 10-18.
6. Bế Viết Đăng (2006), *Dân tộc học Việt Nam - Định hướng và thành tựu nghiên cứu (1973-1988)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Đình Khoa (1976), *Các dân tộc ở miền Bắc Việt Nam (dẫn liệu nhân chủng học)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Lò Giàng Páo (2014), “Cơ cấu dân số và thành phần dân tộc thiểu số ở nước ta”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 1&2, tr. 57-64.
9. Nguyễn Khánh Toàn (1975), “Một vài quan điểm cơ bản cần được quán triệt trong quá trình xây dựng danh mục các dân tộc thiểu số ở miền Bắc nước ta”, trong Viện Dân tộc học: *Vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 33-39
10. Viện Dân tộc học - Viện Ngôn ngữ học (2002), *Hội thảo bàn về tiêu chí xác định lại thành phần dân tộc ở Việt Nam*, Hà Nội, ngày 2/7/2002, Kỷ yếu Hội thảo, Thư viện Viện Dân tộc học.

### Tiếng Anh

1. Cravens, Hamilton (2010), "What's New in Science and Race since the 1930s?: Anthropologists and Racial Essentialism", *The Historian*, 72 (2), pp. 299-320.
2. Farkas, Lilla (2017), *Analysis and comparative review of equality data collection practices in the European Union: Data collection in the field of ethnicity*, EU, Directorate-General for Justice and Consumers.
3. Fussell, Jim (2001), “Group Classification on National ID Cards as a Factor in Genocide and Ethnic Cleansing”. Presented on November 15, 2001 to the Seminar Series of the Yale University Genocide Studies Program, Prevent Genocide International (<http://www.preventgenocide.org/prevent/removing-facilitating-factors/IDcards/>).

4. Ham, Ken & A. Charles Ware (2007), *One Race, One Blood: Abiblical Answer to Racism*, Master Books.
5. Horowitz, D (1985), *Ethnic Groups in Conflict*, University of California Press, Berkeley and Los Angeles.
6. Kottak, Conrad P (2000), *Anthropology: The Exploration of Human Diversity*, The McGraw-Hill Companies.
7. Morris, Christopher, (Ed), (1992), "Physiological Race" and "Physiologic Race", in *Academic Press Dictionary of Science and Technology*, San Diego/London: Academic Press.
8. Mullaney, Thomas S (2011), *Coming to Terms with the Nation - Ethnic Classification in Modern China*, University of California Press, pp. 1-17.
9. Papoutsis, E (2014), "Minorities under International Law: How Protected They are?", *Journal of Social Welfare and Human Rights*, Vol. 2, No. 1, pp. 305-345.
10. Petričušić, A (2005), "The Rights of Minorities in International Law: Tracing Developments in Normative Arrangements of International Organizations", in *Croatian International Relations Review*, Vol. XI, No. 38/39.
11. Pholsena, Vatthana (2002), "Nation/Representation: Ethnic Classification and Mapping Nationhood in Contemporary Laos", *Asian Ethnicity*, Volume 3, Number 2, September, pp. 175-197.
12. "Race", in *Stanford Encyclopedia of Philosophy*, 2016, in <https://plato.stanford.edu/entries/race/>
13. Rieger, R.; Michaelis, A.; Green, M. M. (1968), *A Glossary of Genetics and Cytogenetics: Classical and Molecular*, New York: Springer-Verlag.
14. Schermerhorn, R (1970), *Comparative Ethnic Relations*, Random House, New York, p.12. Dẫn theo Ratcliffe, Peter: *Ethnic Group*, *Sociopedia.isa*, DOI: 10.1177/205684601421, 2014.
15. Smith, Anthony D (1991), *National Identity*, London: Penguin.
16. United Nations (1992), *Declaration on the Rights of Persons Belonging to National or Ethnic, Religious and Linguistic Minorities*, Adopted by General Assembly Resolution 47/135.
17. United Nations Statistics Division (2003), *Ethnicity: A Review of Data Collection and Dissemination*.
18. United Nations (2007), *Indigenous people*, <http://www.un.org/issues/m-indig.html>, truy cập ngày 5/7/2017.
19. Walker, Peter M. B. (Ed) (2004), "Geographic Race", in *Chambers Dictionary of Science and Technology*, Edinburgh/New Delhi: Chambers Harrap.

20. Wan, Enoch and Mark Vanderwerf (2009), *A Review of Literature on Ethnicity, National Identity and Related Missiological Studies*, Published in [www.GlobalMissiology.org](http://www.GlobalMissiology.org) “Featured Articles”.
21. Wang, Linzhu (2015), “The Identification of Minorities in China” *Asian-Pacific Law & Policy Journal* Vol 16:2.
22. Weber, M (Ed) (1968), *Economy and Society*, University of California Press, Roth G, Wittich C. Berkeley.
23. Yang, Philip Q (2000), *Ethnic Studies: Issues and Approaches*, State University of New York Press.